

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2011/TT- BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền
sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan**

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo số 26/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo số 58/2005/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 04 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 65/2010/QĐ-TTg ngày 25/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Tài chính;

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành và số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn về công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Hải quan các cấp; doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả hoặc đại diện hợp pháp của chủ sở hữu; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Hàng giả bao gồm:

a) Giả chất lượng và công dụng: hàng hóa không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng của hàng hóa;

b) Giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hoá: hàng hóa giả mạo tên, địa chỉ của thương nhân khác trên nhãn hoặc bao bì cùng loại hàng hóa; hàng hóa giả mạo chỉ dẫn về nguồn gốc hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa;

c) Giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý; hàng hóa

là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan;

d) Các loại đề can, tem chất lượng, tem chống giả, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa có nội dung giả mạo tên, địa chỉ thương nhân, nguồn gốc hàng hoá, nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng;

e) Đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nếu pháp luật có quy định riêng thì áp dụng các quy định đó để xác định hàng giả.

2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan là việc cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 216, Mục 2, chương XVIII Luật Sở hữu trí tuệ và các biện pháp quy định tại khoản 8, 9, 10, Điều 4, Chương I và Mục 5, chương III Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

3. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

4. Kiểm tra hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải do cơ quan hải quan thực hiện nhằm phát hiện hàng hóa có nghi ngờ là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. Giám sát hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

6. Kiểm soát hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các biện pháp tuần tra, điều tra hoặc biện pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan áp dụng để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới.

7. Đơn yêu cầu bao gồm: Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ và đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan (mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư này).

8. Người nộp đơn yêu cầu là chủ thể quyền sở hữu quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu quyền chuyển

giao quyền sở hữu trí tuệ) hoặc người được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ ủy quyền hợp pháp.

9. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các hành vi nêu tại các điều 28, điều 35, điều 126, điều 127, điều 129 và điều 188 Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Được cơ quan hải quan giữ bí mật các thông tin thương mại đã cung cấp cho cơ quan hải quan, trừ các trường hợp phải cung cấp cho các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể quyền sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, chủ sở hữu của hàng thật bị làm giả hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp được tham gia cùng với cơ quan hải quan vào các hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát, xác minh, thu thập chứng cứ xác định hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, quá trình xử lý hàng hóa, tang vật vi phạm, trừ trường hợp cần thiết bảo vệ bí mật thương mại, bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Khiếu nại, khiếu kiện các quyết định xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

4. Cung cấp cho cơ quan hải quan các thông tin, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

5. Hỗ trợ và phối hợp với cơ quan Hải quan trong công tác xử lý, tiêu hủy hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Triển khai áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan theo quy định của pháp luật hải quan, pháp luật thương mại và pháp luật sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa có nghi ngờ là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Giải thích, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan tuân thủ quy định của pháp luật về chống hàng giả và thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các quy định của Luật Hải quan, Luật Sở hữu trí tuệ và hướng dẫn tại Thông tư này. Thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân liên quan về kết quả giải quyết, xử lý vụ việc.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước, các lực lượng có chức năng chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong công tác đấu tranh, xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan nộp, xuất trình các tài liệu, chứng từ có liên quan để giải trình, làm rõ những nghi vấn của cơ quan hải quan về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

5. Giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành của ngành Hải quan.

Chương II

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN VÀ KIỂM SOÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIẢ, HÀNG HÓA LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Mục 1

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIẢ TRONG QUÁ TRÌNH LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 6. Kiểm tra hải quan

1. Trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Kiểm tra và đối chiếu giữa các thông tin khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan về tên hàng, nhãn hiệu, xuất xứ, trị giá, quy cách đóng gói, phẩm chất hàng hóa, tuyến đường vận chuyển của hàng hóa với các thông tin do cơ quan hải quan thu thập để xác định dấu hiệu về hàng giả.

b) Kiểm tra và đối chiếu giữa nội dung kết luận của cơ quan quản lý Nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan với kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa.

c) Đối chiếu kết quả kiểm tra với các quy định của pháp luật về hàng giả.

2. Khi phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm trong các trường hợp như:

- Hàng hóa nhập khẩu không tuân thủ việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/09/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa. Ví dụ: phụ gia thực phẩm không ghi ngày sản xuất, hướng dẫn sử dụng; mỹ phẩm nhập khẩu không ghi định lượng, thành phần.

- Kết luận kiểm tra nhà nước về chất lượng hoặc kết quả giám định chất lượng hàng hóa xác định hàng hóa không đạt chất lượng nhập khẩu, xuất khẩu; không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam. Ví dụ: rượu nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc không đạt tiêu chuẩn đã công bố; dược phẩm nhập khẩu có dược chất nhưng không đúng hàm lượng đăng ký hoặc có dược chất khác với dược chất ghi trên nhãn.

- Hàng hóa nằm trong danh sách hoặc thông báo của cơ quan quản lý Nhà nước không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc không được phép lưu thông trên thị trường. Ví dụ: dược phẩm có nguồn gốc nhập khẩu theo thông báo của cơ quan y tế bị đình chỉ lưu hành do không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Nội dung ghi trên nhãn hàng hóa không phù hợp với các tài liệu kèm theo sản phẩm, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy; hàng hóa quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu tẩy xóa hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

- Sử dụng bao bì của nhà sản xuất khác để đóng lên sản phẩm hoặc trên sản phẩm không ghi mã vạch, mã vạch ghi trên sản phẩm không phù hợp với xuất xứ khai báo trên tờ khai hải quan, giấy chứng nhận xuất xứ.

Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi phát hiện hàng hóa vi phạm xem xét quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt hành chính theo quy định hiện hành và tiến hành các biện pháp xác minh về hàng hóa theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm theo thông tin do chủ sở hữu hàng thật bị làm giả cung cấp, Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi phát hiện hàng hóa có nghi ngờ vi phạm có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ sở hữu hàng thật bị làm giả biết, đồng thời xem xét quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt hành chính theo quy định hiện hành và tiến hành các biện pháp xác minh về hàng hóa theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 7. Xác minh và xử lý về hàng hóa

1. Trong thời gian hàng hóa đang bị tạm giữ hoặc bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Yêu cầu chủ hàng, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả (khi đã xác định được chủ sở hữu) cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự....).

b) Phối hợp với chủ hàng, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả lấy mẫu, thống nhất lựa chọn thương nhân giám định thực hiện giám định. Kết luận của thương nhân giám định có giá trị để các bên thực hiện.

c) Trường hợp người khai hải quan và cơ quan hải quan không thống nhất được trong việc lựa chọn thương nhân giám định thì cơ quan hải quan lựa chọn tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối). Kết luận của tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước hoặc thương nhân giám định có giá trị để các bên thực hiện. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận này thì thực hiện khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu, nơi lưu mẫu, thời gian lưu mẫu, lưu ảnh của hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 15, Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính.

d) Phối hợp với các lực lượng kiểm soát chống buôn lậu trong công tác xác minh, điều tra theo nghiệp vụ quy định.

e) Báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để kịp thời chỉ đạo giải quyết đối với những vụ việc phức tạp, hàng hóa có giá trị lớn, liên quan đến nhiều địa phương, cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế.

f) Quyết định tạm giải phòng hàng đưa về bảo quản theo quy định tại khoản 4, Điều 25 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2005 trong trường hợp chủ hàng có yêu cầu đưa hàng hóa về bảo quản.

3. Kết thúc thời hạn tạm giữ hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, nếu đủ cơ sở kết luận hàng hóa bị nghi ngờ là hàng giả, cơ quan hải quan tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương IV Thông tư.

4. Trường hợp hàng hóa vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ luật hình sự, cơ quan hải quan có trách nhiệm chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật.

5. Hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng trong trường hợp kết luận hàng hóa không phải là hàng giả. Việc giải quyết khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc tạm giữ hàng hóa của cơ quan hải quan gây ra của chủ hàng được thực hiện theo quy định hiện hành về giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại.

Mục 2**KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG QUÁ TRÌNH
LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN****Điều 8. Kiểm tra hải quan**

1. Trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Kiểm tra và đối chiếu giữa các thông tin khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan về tên hàng, nhãn hiệu, xuất xứ, trị giá, quy cách đóng gói, phẩm chất hàng hóa, tuyến đường vận chuyển của hàng hóa với các thông tin trong hệ thống dữ liệu về đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, danh mục quản lý rủi ro về sở hữu trí tuệ và các thông tin do cơ quan hải quan thu thập để xác định dấu hiệu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Đối chiếu giữa kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa và kết quả kiểm tra thông tin với các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các quy định về thủ tục kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

2. Khi phát hiện hàng hóa có nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Chi cục Hải quan thực hiện việc thông báo theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Trường hợp không có thông tin yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng trong quá trình kiểm tra, Chi cục Hải quan phát hiện và có nghi ngờ hàng hóa nhập khẩu giả mạo về sở hữu trí tuệ (ví dụ: hàng hóa mang nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam nhưng lại được nhập khẩu từ nước ngoài mà không có hợp đồng gia công).

Lãnh đạo Chi cục Hải quan chỉ đạo việc kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu hoặc chụp ảnh về hàng hóa, trao đổi và cung cấp thông tin liên quan với đơn vị chuyên trách về sở hữu trí tuệ tại Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố để quyết định việc hoàn thành thủ tục hải quan hoặc tạm giữ hàng hóa nếu xác định nghi vấn là có cơ sở.

Điều 9. Thông báo về hàng hóa có nghi ngờ

1. Chi cục Hải quan thông báo cho người nộp đơn về hàng hóa có nghi ngờ (theo mẫu số 03-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này) đồng thời fax cho người nộp đơn biết.

2. Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo về hàng hóa có nghi ngờ, Chi cục Hải quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan sau khi nhận được Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan và khoản tiền đảm bảo (bằng 20% giá trị lô hàng cần áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc tối thiểu hai mươi triệu đồng nếu không thể xác định được giá trị lô hàng đó) hoặc chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác quy định tại khoản 2, Điều 217 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Trường hợp có đủ cơ sở khẳng định hàng hóa bị thông báo là giả mạo về sở hữu trí tuệ, Lãnh đạo Chi cục xem xét quyết định áp dụng ngay các biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật Sở hữu trí tuệ. Đồng thời phối hợp với lực lượng kiểm soát các cấp để xác minh, thu thập thông tin về hàng hóa theo quy định.

c) Tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng trong trường hợp không nhận được Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, không nhận được khoản tiền đảm bảo hoặc chứng từ bảo lãnh.

Điều 10. Tạm dừng làm thủ tục hải quan

1. Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan (theo mẫu số 04-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này). Quyết định tạm dừng được gửi bằng thư bảo đảm đồng thời fax cho các bên có liên quan.

2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày người nộp đơn yêu cầu tạm dừng nhận được quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trường hợp phát sinh việc trưng cầu giám định hoặc tham khảo ý kiến chuyên môn từ các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, cơ quan Hải quan sẽ tiếp tục tạm dừng làm thủ tục hải quan cho đến khi nhận được kết quả giám định hoặc ý kiến chuyên môn.

Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng thực hiện việc gia hạn thời gian tạm dừng sau khi người nộp đơn có đơn xin gia hạn kèm khoản tiền đảm bảo hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định của pháp luật và thông báo cho người nộp đơn, chủ hàng và các bên có liên quan biết (theo mẫu số 05-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trong thời gian tạm dừng hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Yêu cầu chủ hàng, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự....).

b) Trực tiếp trưng cầu giám định tại các tổ chức giám định theo quy định tại khoản 1, Điều 40, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ hoặc tham khảo ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ.

c) Tổ chức cho các tổ chức, cá nhân lấy mẫu để thực hiện quyền yêu cầu giám định theo quy định tại khoản 2, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ. Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu, nơi lưu mẫu, thời gian lưu mẫu của hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, 4, 5, 6, Điều 15 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính.

d) Tiến hành việc giám định bổ sung, giám định lại theo quy định tại Điều 50, Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.

e) Phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn khi có phát sinh tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

g) Báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để chỉ đạo giải quyết kịp thời trong trường hợp lô hàng tạm dừng có giá trị lớn; hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các nhãn hiệu nổi tiếng; vụ việc có liên quan đến nhiều địa phương, các cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế; có phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

4. Kết thúc thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện một hoặc đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục hành chính khi đã khẳng định hàng hóa bị tạm dừng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở kết luận giám định về sở hữu trí tuệ của tổ chức giám định về sở hữu trí tuệ (trong trường hợp trưng cầu giám định); ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, các cơ quan quản lý Nhà nước khác (trong trường hợp xin ý kiến chuyên môn); tài liệu, chứng cứ do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ cung cấp.

Quyết định tạm giữ hàng hóa trong trường hợp có cơ sở khẳng định hàng hóa bị tạm dừng là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ; hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng.

b) Hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa bị tạm dừng theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

c) Thực hiện theo ý kiến của tòa án trong trường hợp người nộp đơn khởi kiện dân sự.

d) Bàn giao vụ việc để các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ khác xử lý trong trường hợp xác định hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan hải quan.

e) Tạm dừng việc xử lý sau khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

g) Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật trong trường hợp xác định hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ luật hình sự.

Điều 11. Tiếp tục làm thủ tục hải quan

1. Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng có trách nhiệm quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng và thông báo cho các bên liên quan biết (theo mẫu số 06-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này) trong các trường hợp:

a) Không nhận được văn bản của tòa án xác nhận đã tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan và không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với người xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng.

b) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo;

c) Người yêu cầu rút đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan trừ trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng giả mạo sở hữu trí tuệ; tem, nhãn, vật phẩm khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo.

d) Kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ để xác định hành vi xâm phạm.

e) Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng bị tạm dừng, Chi cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản buộc người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan phải thanh toán các chi phí lưu kho bãi, bảo quản hàng hóa và các chi phí phát sinh khác cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

b) Hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền bảo đảm còn lại sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường và thanh toán các chi phí theo quy định.

Mục 3

KIỂM SOÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIẢ, HÀNG HÓA LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 12. Trách nhiệm của lực lượng kiểm soát hải quan

1. Lực lượng kiểm soát hải quan áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan theo quy định tại Quyết định số 65/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 04 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ để tiến hành điều tra, phát hiện, bắt giữ và xử lý hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng giả theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, lực lượng kiểm soát hải quan có trách nhiệm kiểm soát đối với hàng giả, hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, lực lượng kiểm soát hải quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện các biện pháp để kiểm tra, bắt giữ và xử lý theo quy định.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, lực lượng kiểm soát hải quan được quyền yêu cầu các tổ chức, các nhân liên quan, đơn vị hải quan các cấp cung cấp hồ sơ, tài liệu, phối hợp, tạo điều kiện để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Triển khai nghiệp vụ kiểm soát

1. Lực lượng kiểm soát hải quan chủ động thu thập thông tin theo quy định của Pháp luật để nắm tình hình và phát hiện các đối tượng, phương thức, thủ đoạn hoạt động vi phạm liên quan đến hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Khi tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thì trực tiếp kiểm tra hoặc phối hợp với Chi cục hải quan làm thủ tục

để kiểm tra. Đối chiếu với các quy định pháp luật liên quan và thực tế hàng hóa bị phát hiện để ra quyết định tạm giữ hàng hóa.

3. Tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ, kiểm tra, đối chiếu, đánh giá các thông tin được cung cấp liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với thực tế hàng hóa đang bị tạm giữ, tạm dừng để xác định hàng hóa vi phạm.

4. Trường hợp có căn cứ để xác định hàng hóa vi phạm, thì áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Chương IV Thông tư này. Trường hợp không có cơ sở để xác định hàng hóa vi phạm thì chuyển hồ sơ cho Chi cục Hải quan tiếp tục làm thủ tục thông quan cho lô hàng.

Chương III

TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN YÊU CẦU KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 14. Quy định về đơn yêu cầu

1. Người nộp đơn nộp cho cơ quan hải quan 01 bản chính đơn (theo mẫu số 01-SHTT, số 02-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này) khi có yêu cầu kiểm tra, giám sát hoặc yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan.

2. Thẩm quyền tiếp nhận đơn yêu cầu

a) Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu) tiếp nhận đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

b) Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu), Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và Chi cục Hải quan tiếp nhận đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan.

3. Thời hạn có hiệu lực của đơn

a) Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ có thời hạn hiệu lực trong thời gian 01 (một) năm kể từ thời điểm cơ quan hải quan thông báo chấp nhận đơn và được gia hạn thêm 01 (một) năm khi người nộp đơn có yêu cầu gia hạn.

b) Trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc đề nghị gia hạn có hiệu lực của đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu) có trách nhiệm thông báo cho người nộp đơn và các đơn vị hải quan liên quan về kết quả xử lý.

4. Người nộp đơn có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan về việc thay đổi nội dung yêu cầu (bao gồm thu hẹp/mở rộng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, thu hẹp/mở rộng danh mục hàng hóa có yêu cầu kiểm tra, giám sát) trong thời gian đơn yêu cầu có hiệu lực.

Điều 15. Tài liệu kèm theo Đơn yêu cầu

1. Người nộp đơn có trách nhiệm nộp cho cơ quan hải quan bản sao có xác nhận sao y bản chính của người nộp đơn các tài liệu dưới đây, mỗi loại tài liệu 01 bản. Trường hợp nghi vấn về các tài liệu do người nộp đơn nộp, cơ quan hải quan phải đối chiếu với bản chính để đảm bảo tính chính xác.

a) Chứng cứ chứng minh chủ thể quyền theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

b) Tài liệu liên quan đến hàng hóa có yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan, bao gồm: Danh sách người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa; Phương thức xuất khẩu, nhập khẩu hàng thật; Bản phân biệt hàng thật- hàng giả; Tài liệu về xuất xứ của hàng thật, ảnh của hàng thật.

c) Giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền nộp đơn (đối với trường hợp được ủy quyền nộp đơn) trong trường hợp có ủy quyền. Giấy ủy quyền từ nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

d) Thông tin dự đoán về thời gian và địa điểm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (nếu có).

e) Kết quả giám định của tổ chức giám định sở hữu trí tuệ (nếu có).

g) Kết luận xử lý của các cơ quan thực thi khác đối với những trường hợp vi phạm tương tự đã bị phát hiện và xử lý (nếu có).

h) Chứng từ nộp tiền hoặc chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ có liên quan trong trường hợp yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan quy định tại khoản 2, Điều 217 Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Các giấy tờ quy định tại điểm khoản 1 Điều này, nếu đã nộp cho cơ quan hải quan tại Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa liên quan đến sở hữu trí tuệ thì khi nộp Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan người nộp đơn không phải nộp.

3. Người nộp đơn có thể nộp cho cơ quan hải quan các tài liệu quy định tại Điều 14, 15 Thông tư này dưới hình thức văn bản và file điện tử, đĩa mềm.

Điều 16. Kiểm tra và xử lý đơn

1. Nội dung kiểm tra đơn

a) Đơn yêu cầu, các tài liệu có liên quan đã đầy đủ theo quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 1, Điều 15 Thông tư.

b) Thẩm quyền tiếp nhận đơn của cơ quan hải quan.

c) Tư cách của người nộp đơn theo quy định của pháp luật.

d) Thời hạn hiệu lực của các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

e) Tài liệu, mẫu vật, hiện vật (hoặc ảnh chụp) phù hợp với nội dung quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo hộ hoặc nội dung tố cáo hành vi vi phạm.

g) Nội dung ủy quyền phù hợp với chức năng hoạt động của cơ quan Hải quan và của người nộp đơn (trường hợp ủy quyền nộp đơn).

2. Thời hạn xử lý đơn

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chậm nhất 16 (mười sáu) giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn. Đối với Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, Chi cục Hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan thay cho thông báo chấp nhận đơn.

3. Từ chối tiếp nhận đơn.

Cơ quan hải quan từ chối tiếp nhận đơn trong các trường hợp.

a) Đơn gửi không đúng cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn.

b) Có cơ sở khẳng định người nộp đơn không đủ tư cách nộp đơn theo quy định của pháp luật.

c) Đơn có thiếu sót và mặc dù đã được yêu cầu sửa chữa nhưng người nộp đơn vẫn không sửa chữa hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu.

d) Trong thời gian thụ lý đơn, cơ quan hải quan nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Triển khai thực hiện Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

a) Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu) chuyển đơn và thông báo chấp nhận đơn tới các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Đội Kiểm soát trực thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiếp nhận thông báo, đơn từ Tổng cục Hải quan và chuyển tới Chi cục Hải quan, Phòng chức năng liên quan và Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục.

c) Chi cục Hải quan tiếp nhận thông báo, đơn từ Cục Hải quan tỉnh, thành phố và chuyển tới các Đội, Tổ nghiệp vụ, cá nhân liên quan.

5. Triển khai thực hiện Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan.

a) Căn cứ tính chất, mức độ của vụ việc và của hành vi vi phạm hoặc từng trường hợp cụ thể, cơ quan tiếp nhận sẽ gửi trực tiếp cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan cho lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm hoặc lực lượng kiểm soát chống buôn lậu để triển khai thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận đơn là Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

b) Lãnh đạo Chi cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức, triển khai tới các Đội, Tổ nghiệp vụ và cá nhân liên quan để thực hiện trong trường hợp Chi cục Hải quan tiếp nhận đơn.

Điều 17. Chấm dứt hiệu lực đơn yêu cầu

Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu) có trách nhiệm thông báo tới các đơn vị hải quan liên quan về việc hủy bỏ Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ trong trường hợp.

a) Người nộp đơn có văn bản đề nghị chấm dứt việc kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hộ.

b) Hết thời hạn có hiệu lực của đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát, người nộp đơn không có văn bản đề nghị gia hạn.

c) Cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo hủy bỏ văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã cấp cho người nộp Đơn yêu cầu.

Chương IV XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Xác định giá trị hàng hóa vi phạm

1. Giá trị của hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả trong lĩnh vực hải quan được xác định trên cơ sở trị giá khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan bao gồm cả tiền thuế các loại (nếu có). Giá trị hàng hóa và căn cứ định giá phải được ghi rõ trong biên bản vi phạm hành chính và lưu giữ trong hồ sơ vụ việc.

Nếu có cơ sở khẳng định giá trị hàng hóa của chủ hàng khai báo trên tờ khai hải quan là không chính xác, cơ quan hải quan tiến hành xác định giá trị theo quy định hiện hành về xác định trị giá hải quan tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Trường hợp hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp không xác định được giá trị, cơ quan hải quan căn cứ quy định tại khoản 13 Điều 10, khoản 12 Điều 11, khoản 11 Điều 12, khoản 8 Điều 14 Nghị định số 97/2010/ NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010 để tiến hành áp dụng hình thức xử phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

3. Trường hợp xác định giá trị hàng giả theo các căn cứ khác, thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 06/2008/ NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 19. Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Việc xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 97/2010/ NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010, Nghị định số 47/2009/ NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2009, Nghị định số 54/2005/ NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành, cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản buộc người vi phạm phải thanh toán các khoản chi phí phát sinh do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

b) Hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền đảm bảo đã nộp.

Điều 20. Xử lý hành vi vi phạm về hàng giả (trừ hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ)

Việc xử lý đối với hành vi vi phạm thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008, Nghị định số 112/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện cụ thể các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp đơn yêu cầu kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, người tố cáo vi phạm và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan Hải quan, cán bộ hải quan có thành tích trong công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan Hải quan, cán bộ hải quan thiếu tinh thần trách nhiệm, gây thiệt hại cho người nộp đơn, chủ sở hữu của hàng hóa bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng hóa bị làm giả, người làm thủ tục hải quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2011, thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây trái với quy định tại Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu 01-SHTT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM******Independence - Freedom - Happiness***

..., ngày/date... tháng/month ... năm/year 200...

ĐƠN YÊU CẦU KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU**NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ*****(APPLICATION OF REQUEST FOR CONTROL ON IMPORT - EXPORT GOODS
RELATING TO INTELLECTUAL PROPERTY RIGHT)*****Kính gửi/To:**

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005/*Pursuant to regulation at Articles 216, 217, 219 of Law 50/2005/QH10 on Intellectual Property dated 29 November 2005;*

Căn cứ quy định tại Điều 57, Luật Hải quan số 42/2005/QH 11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 /*Pursuant to regulation at Articles 57 of Law 42/2005/QH10 on Customs dated 14 June 2005;*

Căn cứ Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan/ *Pursuant to Circular2001/TT-BTC datedJanuary 2011 on instructions for the enforcement of anti counterfeit and IP Protection in the filed of Customs;*

Người ký tên dưới đây đề nghị cơ quan Hải quan tiến hành các biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đối với lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ theo các nội dung sau:/
The undersigned requests Customs Administration to, under the Law on Intellectual Property, implement the measures of examining and supervising import goods and export goods of the shipment being suspected of violating Intellectual Property Rights including the following content:

1. Người nộp đơn/Applicant:

- Tên/Full name:
- Số chứng minh thư/hộ chiếu (nếu là cá nhân)/ID/passport No. (in case of individual)
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại/Telephone: Fax: - E-mail/Website:

2. Chủ sở hữu quyền/IP owner:

- Tên/Full name:
- Số chứng minh thư/hộ chiếu (nếu là cá nhân): ID/passport No. (in case of individual)
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại/Telephone: Fax: - E-mail/Website:

3. Quyền Sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo hộ (ghi rõ là: quyền tác giả/quyền liên quan đến quyền tác giả/nhãn hiệu/chỉ dẫn địa lý...):

IP rights for protection (indicate: copyrights/related rights/trademarks/geographic indicators, etc):

- Tên văn bằng bảo hộ/Name of IP Right Certificate:
- Số/No: Ngày cấp văn bằng bảo hộ/Date of issue:
- Cơ quan cấp văn bằng bảo hộ/Office of issue:
- Thời hạn có hiệu lực của văn bằng bảo hộ/Expiration:

4. Phạm vi yêu cầu bảo hộ(ghi rõ là trong phạm vi toàn quốc hay tại đơn vị Hải quan cụ thể) **Area for IP protection** (indicate: nationally or at specific Customs Administration):

5. Danh mục hàng hóa có yêu cầu bảo hộ (người nộp đơn tự xác định và cung cấp để hỗ trợ cho cơ quan Hải quan trong quá trình phối hợp. Lưu ý: Đây là yêu cầu không bắt buộc):

List of goods for IP protection (applicant himself to identify and provide in order to assist Customs Administration in the process of co-operation. Note: not obligatory):

- Tên hàng/Name of goods:
- Mã HS (8 số)/HS code (08 digits):

6. Tài liệu gửi kèm (Đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm): Accompanied documents (mark x the accompanied document submitted)

ờ Văn bằng bảo hộ/*Intellectual Property Right Certificate*;

ờ Danh sách người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa/ *List of legal goods importer(s) and/or export(s)*;

ờ Phương thức xuất khẩu, nhập khẩu; bản phân biệt hàng thật - hàng giả /*Mode of import and/or export; the differences between the genuine and the counterfeit*;

ờ Tài liệu chứng minh xuất xứ của hàng thật/ *Document to prove the origin of the genuine*;

ờ Giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền nộp đơn /*Power of Attorney or Contract of Attorney*;

ờ Hợp đồng chuyển nhượng/sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản xác nhận quyền thừa kế, quyền kế thừa đối tượng quyền sở hữu trí tuệ/ *Contract of Transfer/Using Intellectual Property Rights or relevant document to prove the rights of inheritance*;

ờ Thông tin dự đoán về thời gian và địa điểm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa/*Information of forecast on when and where related shipment(s) going to be done Customs procedure*;

ờ Kết quả giám định của tổ chức giám định sở hữu trí tuệ /*the assess result made by Intellectual Property assess unit*.

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)
Full name, signature of the applicant and seal (if any)

Mẫu 02- SHTT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM******Independence - Freedom - Happiness***

..., ngày/date... tháng/month... năm/year 200...

ĐƠN YÊU CẦU TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN***APPLICATION OF REQUEST FOR TEMPORARY SUSPENSION OF DOING
CUSTOMS PROCEDURE*****Kính gửi/To:**

*(Cơ quan Hải quan nơi ra thông báo tạm thời dừng làm thủ tục hải quan)/
(Customs Administration issued the Announcement on temporary suspension
of doing Customs procedure)*

Căn cứ quy định tại điều 216, 217 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2005/*Pursuant to the regulation at such articles as Article 216, Article 217 in Law 50/2005/QH10 on Intellectual Property dated November 29th 2005;*

Căn cứ quy định tại Điều 58, Luật Hải quan số 42/2005/QH 11 ngày 14 tháng 6 năm 2005/*Pursuant to regulation at Articles 58 of Law 42/2005/QH10 on Customs dated 14 June 2005;*

Căn cứ Thông tư số/2011/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan/*Pursuant to Circular2011/TT-BTC dated.....January 2011 on instructions for the enforcement of anti counterfeit and IP Protection in the filed of Customs;*

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan Hải quan) về việc chấp nhận bảo hộ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ theo Đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ (số/ngày) do (tên của người nộp đơn)/*Pursuant to the document (number/date) issued by (Customs Administration) about the acceptance on intellectual property protection*

for import and export goods with regard to the Application of Request for Control on import, export goods relating to Intellectual Property (number/date) submitted by (name of the applicant).

Trên cơ sở khoản bảo đảm đã nộp cho cơ quan Hải quan theo (giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...)/*With the guarantee deposited at Customs Administration (Number of Cash Deposit Note/date/Bank...)*

Người ký tên dưới đây yêu cầu cơ quan Hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng theo (thông báo số: ... ngày... tháng... năm... của cơ quan Hải quan)/*The undersigned kindly requests Customs Administration to temporarily suspend Customs procedure for the shipment (regarding the Announcement Number... dated ... issued by the Customs Administration).*

Trường hợp xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chúng tôi đề nghị cơ quan Hải quan tiến hành việc xử lý hành vi vi phạm đối với (người vi phạm) theo thẩm quyền quy định của pháp luật/*In case the suspended goods are defined to violate intellectual property rights, we kindly request Customs Administration to handle the infringement in accordance with relevant laws and regulation.*

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)
Full name, signature of the applicant and seal (if any)

Mẫu 03-SHTT

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB- SHTT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

THÔNG BÁO

Kính gửi :.....

Căn cứ Điều 219 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;

Căn cứ Điều 50 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày tháng năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ thông báo tại công văn số:....ngày.....của Tổng cục Hải quan.

Trong quá trình làm thủ tục hải quan, cơ quan Hải quan đã phát hiện lô hàng có những thông tin như sau có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

1	Tên hàng	
2	Số lượng	
3	Trị giá	
4	Xuất xứ	
5	Người nhập khẩu	
6	Người xuất khẩu	
7	Số invoice	

Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thông báo, yêu cầu....(người nộp đơn).... tiến hành thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật. Thông tin về cơ quan Hải quan:

Chi cục HQ.....

Địa chỉ/số điện thoại liên lạc:.....

Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....

Nơi nhận:

CHI CỤC TRƯỞNG

- Như trên;
- Cục Điều tra CBL (để phối hợp)
- Cục HQ (để phối hợp)
- Lưu

Mẫu 04- SHTT

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /QĐ-SHTT

....., ngày..... tháng.... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

Căn cứ Điều 218 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009;
 Căn cứ Điều 57 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan năm 2005;
 Căn cứ Điều 50, 51 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan số:.....ngày.....do.....nộp.

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:.....thuộc tờ khai hải quan số:.....ngày:.....tại.....củađịa chỉ:.....theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Lý do tạm dừng: Lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 (mười ngày) làm việc được tính từ thời điểm (người nộp đơn yêu cầu tạm dừng) nhận được quyết định này theo xác nhận của cơ quan bưu điện.

Điều 3. Cơ quan Hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Điều tra CBL (để biết)
- Cục HQ (để phối hợp)
- Lưu

CHI CỤC TRƯỞNG

Mẫu 05- SHTT

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SHTT

....., ngày.....tháng.... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan

Căn cứ Điều 218 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009;

Căn cứ Điều 51 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày tháng năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan

Căn cứ Quyết định số:.....ngày.....của:.....về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Căn cứ đơn yêu cầu gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan số:.... ngày.....do.....nộp.

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:..... thuộc tờ khai hải quan số:.....ngày:.....tại.....củađịa chỉ:.....
 ...theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Điều 2. Thời hạn gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 (mười ngày) làm việc, được tính từ ngày kế tiếp ngay sau ngày quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan số:.....ngày:.....hết hạn.

Điều 3. Cơ quan Hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

CHI CỤC TRƯỞNG

- Như Điều 3;
- Cục Điều tra CBL (để biết)
- Cục HQ (để phối hợp)
- Lưu

Mẫu 06- SHTT

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SHTT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH***V/v tiếp tục làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa***

Căn cứ Điều 218 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009;

Căn cứ Điều 57 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan năm 2005;

Căn cứ Điều 50, 51 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày.... tháng.... năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục làm thủ tục hải quan với lô hàng thuộc tờ khai hải quan số:..... của Công ty:..... địa chỉ:..... đã bị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo Quyết định số:..... của Chi cục Hải quan.....

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cơ quan Hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm **thi hành** Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Cục Điều tra CBL (để biết)
- Cục HQ (để phối hợp)
- Lưu

CHI CỤC TRƯỞNG